

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2024/DS-ST**

Ngày: 09 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

2. Bà Phạm Thị Cung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2024, bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà và bà Trịnh Thị N là đồng nghiệp, cùng dạy tại Trường tiểu học Đ, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Khi bà N khó khăn có hỏi vay tiền bà và bà đồng ý cho bà N vay. Lần đầu bà đưa cho bà N vay số tiền là 150.000.000đ (bà không nhớ rõ cụ thể ngày đưa tiền, chỉ nhớ khoảng tháng 7/2023); lần thứ hai bà đưa tiền cho bà N vay 50.000.000đ (bà cũng không nhớ rõ cụ thể ngày đưa tiền, chỉ nhớ khoảng tháng 7/2023, lần đưa tiền này cách lần trước 15 ngày). Khi cho bà

N vay tiền, chúng tôi không viết giấy, chỉ nói miệng với nhau, bà N hẹn 10 ngày sau, kể từ ngày nhận tiền lần thứ hai sẽ trả cả hai lần vay là 200.000.000đ. Đến hạn trả nợ, bà N không trả nợ cho bà nên ngày 05/8/2023 bà yêu cầu bà N ký vào giấy cam kết vay tiền với số tiền là 200.000.000đ; thời gian vay là từ ngày 05/8/2023 đến ngày 05/9/2023 sẽ trả; lãi xuất vay là 1%/tháng. Tại thời điểm chưa viết giấy, bà không tính lãi. Từ thời điểm ký giấy cam kết vay tiền, đến hạn trả nợ bà đã đòi bà N nhiều lần nhưng bà N vẫn không trả cho bà đồng nào. Do vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho bà số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tính từ 05/8/2023 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 09/9/2024 (tính tròn là 13 tháng) là $200.000.000đ \times 1,0\%/tháng \times 13 \text{ tháng} = 26.000.000đ$. Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm là 226.000.000đ và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ theo lãi xuất hai bên thống nhất trong giấy cam kết vay tiền là 1,0%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 9 năm 2024, quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là bà Trịnh Thị N trình bày:

Bà và bà Đoàn Thị T là đồng nghiệp, dạy cùng trường với nhau. Do cần tiền để làm ăn nên bà có vay tiền của bà T. Theo như nội dung giấy vay nợ ngày 05/8/2023 và đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà và bà T vào ngày 21/11/2023 thì bà xác nhận nội dung có vay nợ của bà T đúng như yêu cầu của bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả nợ số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi với lãi xuất là 1,0%/tháng, tính từ tháng 8/2023 đến nay, bà đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, hoàn cảnh hiện nay bà rất khó khăn, ốm đau bệnh tật và bà đã nghỉ việc nên bà đề nghị bà T cho bà xin tiền lãi, bà chỉ trả mình tiền gốc và xin được trả dần.

Tại phiên tòa: Bà Đoàn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Trịnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trịnh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị T số tiền gốc và lãi tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 09/9/2024 là 226.000.000đ và tiền

lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo lãi xuất trong giấy cam kết vay tiền là 1,0%/tháng; Về án phí: Đề nghị HĐXX thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 05/8/2023, bà Trịnh Thị N có ký giấy cam kết vay tiền của bà Đoàn Thị T là 200.000.000đ, hiện nay chưa trả được. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Trịnh Thị N có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hạn khởi kiện: Việc khởi kiện của nguyên đơn đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Trịnh Thị N có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc:

Bà Đoàn Thị T và bà Trịnh Thị N đều thừa nhận: Bà N có vay tiền của bà T hai lần với tổng số tiền là 200.000.000đ. Đến ngày 05/8/2023, hai bên lập giấy cam kết vay tiền, với lãi xuất là 1,0%/tháng, thời hạn vay từ ngày 05/8/2023 đến ngày 05/9/2023. Đến hạn trả nợ, do điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên bà N chưa trả được tiền cho bà T. Bà T đòi nhiều lần nhưng bà N xin khất và thu xếp trả tiền cho bà T. Đây là những nội dung vay nợ được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bà Đoàn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị N phải trả số tiền gốc của cả hai lần vay được chốt trong giấy cam kết vay tiền ngày 05/8/2023 là 200.000.000đ. Bà N chấp nhận trả nợ gốc cho bà T nhưng xin được trả dần. Bà T không đồng ý phương án trả dần của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ gốc được hai bên thống nhất, bà T không đồng ý cho bà N có phương án trả nợ dần nên

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T, buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

2.2. *Về tiền lãi*: Khi vay tiền, bà T và bà N có thỏa thuận lãi xuất trong giấy cam kết vay tiền là 1,0%/tháng. Quá trình vay nợ, bà N chưa trả tiền lãi cho bà T và nay xin bà T tiền lãi. Bà T không chấp nhận cho bà N tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, về mức lãi xuất hai bên thống nhất trong giấy cam kết vay tiền là 1,0%/tháng; tại tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận của hai bên trong giấy vay là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Buộc bà N phải trả cho bà T tiền lãi từ ngày 05/8/2023 đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 09/9/2024 là 13 tháng 04 ngày nhưng bà T tính tròn tiền lãi bằng 13 tháng là: $200.000.000đ \times 1,0\%/tháng \times 13 \text{ tháng} = 26.000.000đ$.

Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi bà N phải trả cho bà T tính đến ngày 09/9/2024 là 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*) và bà N còn phải trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo lãi xuất trong giấy cam kết vay tiền là 1,0%/tháng.

2.3. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Vì vậy, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp là phù hợp.

Bà Trịnh Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $226.000.000đ \times 5\% = 11.300.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

Buộc bà Trịnh Thị N phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Đoàn Thị T số tiền là 226.000.000đ (*Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 1,0%/tháng.

3. *Về án phí*: Bà Trịnh Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.300.000đ (*Mười một triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Đoàn Thị T số tiền 5.250.000đ (*Năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0003443 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa